

Bản án số: 980/2017/HNGĐ-PT

Ngày 23-10-2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương  
Ông Nguyễn Văn Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2017/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017 về việc ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 917/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 856/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim D1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 151 Tổ M, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phan Tấn N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 151 Tổ M, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn - bà Phạm Thị Kim D1.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:*

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2017 và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim D1 trình bày:

Bà và ông Phan Tấn N tự nguyện chung sống, kết hôn vào năm 1998, giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 1998, ngày 22/08/1998 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn bà và ông N chung sống cùng gia đình ông N, cuộc sống hôn nhân thời gian đầu có hạnh phúc, về sau thường xảy ra mâu thuẫn đỉnh điểm là từ tháng 08 năm 2016 nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, ông N đi nhậu về thường hay đánh đập bà nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn cùng ông N.

Về con chung: Bà và ông N có hai người con chung là Phan Phạm Thùy D2, sinh ngày 06/10/1997 (giới tính nữ), đã trưởng thành và Phan Phạm Thùy V, sinh ngày 22/09/2006 (giới tính nữ), bà yêu cầu nuôi con chung trẻ V, ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn là ông Phan Tấn N trình bày:*

Việc chung sống và tạo lập cuộc sống chung vợ chồng đúng như bà D1 trình bày, hai bên có hai người con chung như bà D1 trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 06 năm 2006, nguyên nhân là do lâu lâu ông đi nhậu về lớn tiếng với vợ con; Do ông còn thương vợ con, nên ông yêu cầu được hòa giải đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với bà D1.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có..

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Bà D1 giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

Ông N vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu: Vụ án thụ lý, giải quyết đúng theo trình tự tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do ông N còn thương vợ con và để bà D1 có thời gian suy nghĩ lại tạo cơ hội đoàn tụ gia đình.

*Tại bản án sơ thẩm số 917/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim D1 đối với ông Phan Tấn N.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 030600, ngày 18/04/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D1 đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 03/08/2017 nguyên đơn bà Phạm Thị Kim D1 kháng cáo bản án sơ thẩm về việc ly hôn. Bà yêu cầu ly hôn được ly hôn với ông N.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim D1 trình bày: Bà yêu cầu được ly hôn với ông N và trực tiếp nuôi con chung là trẻ Phan Phạm Thùy V, sinh ngày 22/09/2006 ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trẻ V đủ 18 tuổi. Con chung trẻ Phan Phạm Thùy D2 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung yêu cầu tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

Bị đơn ông Phan Tấn N trình bày: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D1, và đồng ý giao con chung cho bà D1 trực tiếp nuôi dạy và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi trẻ V đủ 18 tuổi, trẻ Phan Phạm Thùy D2 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện H đưa vụ án ra xét xử ngày 03/08/2017, ngày 03/08/2017 bà D1 kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự đã thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự bà D1 và ông N thuận tình ly hôn; Giao con chung là trẻ Phan Phạm Thùy V, sinh ngày 22/09/2006 (giới tính nữ) cho bà D1 trực tiếp nuôi dạy và ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi trẻ V đủ 18 tuổi; Tài sản chung ghi nhận hai bên tự thỏa thuận và nợ chung đương sự khai không có nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Kim D1 làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Bà D1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện của bà. Chấp nhận cho bà được ly hôn với ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án:

Về hôn nhân: Ông N đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà D1.

Về con chung: Ông N đồng ý giao con chung là trẻ Phan Phạm Thùy V, sinh ngày 22/09/2006 (giới tính nữ) cho bà D1 trực tiếp nuôi dạy, ông N cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ V đủ 18 tuổi; Trẻ Phan Phạm Thùy D2 sinh ngày 06/10/1997 (giới tính nữ) đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông N và bà D1 khai không có nên không xem xét.

Việc thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không trái với pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì bà D1 phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do đương sự hai bên thống nhất thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án; Căn cứ vào Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà D1 là người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Với những chứng cứ kể trên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm với sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Điều 285, Điều 293, Điều 300, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim D1.

Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự như sau:

1/ Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim D1 và ông Phan Tấn N thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà D1 chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển 1998, ngày 22/08/1998, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp không còn giá trị.

2/ Về nuôi dưỡng con chung: Giao con chung là trẻ Phan Phạm Thùy V, sinh ngày 22/09/2006 (giới tính nữ) cho bà D1 trực tiếp nuôi dạy, ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi trẻ V đủ 18 tuổi; Con chung Phan Phạm Thùy D2, sinh ngày 06/10/1997 (giới tính nữ), đã trưởng thành nên không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận.

4/ Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét.

5/ Về án phí:

5.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim D1 phải nộp là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà D1 đã nộp theo biên lai số AA/2016/0030600, ngày 18/04/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D1 đã nộp đủ án phí.

5.2/ Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị Kim D1 phải nộp án phí nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà D1 đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0032560 ngày 17/08/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D1 đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T, huyện H, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Mỹ Hạnh**